

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/DS-PT

Ngày: 13/4/2022

*V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản; yêu cầu
hủy Hợp đồng tặng cho tài sản; hủy
GCNQSDĐ; tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lê Thị Thúy Bình;

*Các Thẩm phán:*Ông Hồ Sỹ Hưng;

Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản; yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho tài sản; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2606/2022/QĐPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị M; địa chỉ: Số a, khối b, đường Phan ĐP, phường Hoàng VT, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Tô Văn T; địa chỉ: Số nhà d, khu e, khối r, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Hoàng Ngọc Th, sinh năm 1999 (con đẻ chị Nguyễn Thị H vợ anh Tô Văn T); địa chỉ: Số 2, ngõ 1, đường PV, khu 3, phường VT, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H1; địa chỉ: Số 71, đường Phan ĐP, phường Hoàng VT, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H1 và cháu Th: Bà Hoàng Thị M; địa chỉ: Số a, khối b, đường Phan ĐP, phường Hoàng VT, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Anh Tô H1 T1; cư trú tại: Xóm Êm, xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh BG; vắng mặt.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần KTVN(TCB); địa chỉ: Số 191 BT, phường Lê ĐH, quận HBT, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Đinh Đắc D-Cán bộ xử lý nợ; có mặt.

- Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện: Ông Nguyễn Hữu Tr-Chủ tịch UBND thị trấn CL; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện: Ông Lương Văn T3 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CL; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Công an huyện YD, tỉnh BG.

Người đại diện: Ông Hoàng Hữu Tr1- Đội trưởng đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện YD; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai và các chứng cứ, tài liệu Tòa án thu thập được, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Hoàng Thị M và ông Nguyễn Văn D (đã chết năm 2015) kết hôn với nhau vào năm 1976 và có 03 người con chung là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (đã chết năm 2010); anh Nguyễn Văn H3 và chị Nguyễn Thị H1. Năm 2007, chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Tô Văn T có đăng ký tại UBND xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh BG. Trước khi kết hôn với anh T, chị H có một người con riêng là cháu Hoàng Ngọc Th. Năm 2008, vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Tô Văn T mua được một ngôi nhà cấp 4, diện tích 70m², thửa số 116, tờ bản đồ số 46, bản đồ địa chính thị trấn CL tại địa chỉ số C9, khu N18, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn. Năm 2010, chị Nguyễn Thị H chết. Ngày 26/10/2011, anh Tô Văn T tặng cho nhà và đất trên cho anh Tô H1 T1 theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực tại UBND thị trấn CL, huyện CaoLộc. Ngày 25/4/2012, UBND huyện CL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH: 01236 cho anh Tô H1 T1; hiện nay nhà và đất nêu trên do anh Tô Văn T đang quản lý, sử dụng.

Bà Hoàng Thị M khởi kiện yêu cầu chia phần di sản của chị Nguyễn Thị H là nhà, đất tại địa chỉ số C9, khu N18, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn; bà Hoàng Thị M yêu cầu được quản lý, sử dụng nhà, đất trên và trả tiền chênh lệch cho anh Tô Văn T; yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/10/2011 giữa anh Tô Văn T và anh Tô H1 T1; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Tô H1 T1.

Theo lời khai của anh Tô Văn T thì anh và chị Nguyễn Thị H còn có tài sản chung là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Transinco đời năm 2008, biển kiểm soát 12H - 9811 đã thế chấp với Ngân hàng thương mại cổ phần KTVN(TCB). Sau khi chị H mất, anh T đã giao chiếc xe này cho chị Nguyễn Thị H1 là em gái ruột của chị H quản lý, sử dụng. Ngoài ra, anh T và chị H còn có một khoản nợ chung với Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín là 130.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần ký ngày 14/4/2009. Anh T nhất trí chia 1/2 di sản của chị H để lại theo pháp luật nhưng trước khi chia phải trừ đi khoản vay nợ 130.000.000 đồng và giá trị chiếc xe ô tô nêu trên. Anh T yêu cầu được quản lý, sử dụng nhà, đất tại địa chỉ số C9, khu N18, thị trấn CL và trả tiền chênh lệch cho bà Hoàng Thị M cùng các thừa kế khác. Ngoài ra, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được hưởng khoản tiền đã bỏ ra chi phí mai táng khi chị H chết và công trông coi quản lý di sản theo quy định.

Ngày 04/5/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng KTVN(sau đây gọi tắt là Ngân hàng TCB) có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu anh Tô Văn T và những người thừa kế của chị Nguyễn Thị H T3 toán cho Ngân hàng TCB số tiền 653.002.087 đồng là nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 761/HĐ-CVTSBĐ-TN/TCB-LS ngày 10/12/2008. Ngày 02/12/2020, Ngân hàng TCB có đơn xin rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với anh Tô Văn T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Ngọc Th nhất trí với ý kiến của bà Hoàng Thị M, yêu cầu được chia di sản của chị Nguyễn Thị H để lại theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị là con của ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị M, ông D được hưởng di sản thừa kế của chị H, ông D đã chết thì chị được hưởng một phần di sản thừa kế của ông D; nhưng chị không yêu cầu được nhận phần tài sản của ông D để lại mà yêu cầu giao phần tài sản này cho bà M. Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12H-9811, từ thời điểm mua xe đến thời điểm xe bị tai nạn chị có được đi làm phụ xe. Sau khi chị H chết, xe ô tô do anh T quản lý, tiền thu được hàng ngày dùng để trả lãi ngân hàng và trả tiền thuê xe; chị H1 không được anh T

cho thuê xe hay bàn giao quyền sở hữu chiếc xe này. Chiếc xe bị tai nạn vào khoảng tháng 8-9/2010 tại huyện YD, tỉnh BG, nhưng việc giải quyết H3 qua chiếc xe sau tai nạn thế nào chị không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tô H1 T1 trình bày: Năm 2012, anh được anh T chuyển nhượng nhà và đất tại số C9, khu N18, thị trấn CL, huyện CL. Sau khi chuyển nhượng anh đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh xác định nguồn gốc nhà và đất trên là của anh T và chị H; anh T1 xác định không liên quan đến việc giải quyết vụ án nên từ chối tham gia tố tụng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn CL, huyện CL trình bày: Việc UBND thị trấn chứng thực Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/10/2011 giữa anh T và anh T1 trong khi chị H đã chết, chưa xác định đây là tài sản chung của hai vợ chồng anh T và chị H, chưa có văn bản phân chia tài sản thừa kế là chưa đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện CL trình bày: Năm 2010, chị H chết; năm 2011, anh T tặng cho quyền sử dụng đất anh T1. UBND huyện CL đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T1 dựa trên cơ sở Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/10/2011 được chứng thực bởi UBND thị trấn CL. Đây là tài sản chung của anh T và chị H, nên việc anh T tự ý tặng quyền sử dụng đất cho anh T1 là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị H. Do vậy, UBND huyện CL nhất trí với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh T1.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công an huyện YD, tỉnh BG trình bày: Ngày 21/10/2010, tại địa phận xã Nội Hoàng, huyện YD, tỉnh BG xảy ra vụ tai nạn giao thông giữa xe ô tô nhãn hiệu Transinco đời năm 2008, biển kiểm soát 12H - 9811 với một xe mô tô hai bánh. Trong quá trình điều tra, Công an huyện YD nhận được yêu cầu của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Nhận thấy, chiếc xe ô tô trên là tài sản thế chấp để, đảm bảo khoản vay của chị H và anh T theo Hợp đồng tín dụng số 761/HĐ-CVTSBĐ-TN/TCB-LS ngày 10/12/2008 của Ngân hàng TCB; chị H và anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Công an huyện YD đã bàn giao chiếc xe ô tô trên cho Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại cổ phần KTVN để xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo Biên bản đấu giá tài sản của công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bán đấu giá INCIP ngày 26/4/2012, kết quả bán đấu giá chiếc xe ô tô nhãn

hiệu Transinco đời năm 2008, biển kiểm soát 12H- 9811 là 118.000.000 đồng.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 24/10/2018, Công văn số 572/CV-TCKH ngày 02/8/2019 Phòng tài chính - kế hoạch huyện CL về việc xác định giá trị sử dụng khấu hao phần trăm giá trị sử dụng của ngôi nhà xác định tài sản tranh chấp là nhà cấp 4, gắn liền diện tích đất 70m² thuộc thửa đất 116, tờ bản đồ 46, bản đồ địa chính thị trấn CL, huyện CL có tổng giá trị là 1.261.569.064 đồng. Ngày 12/11/2018, Hội đồng định giá tiến hành định giá lại theo yêu cầu của anh T, xác định tổng giá trị nhà và đất là 1.363.950.000 đồng. Tại Biên bản họp ngày 28/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản thống nhất giá theo biên bản định giá tài sản ngày 24/10/2018. Quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án lần 2 các đương sự không có yêu cầu tiến hành thẩm định, định giá lại tài sản.

Ngày 26/6/2019, anh Tô Văn T yêu cầu giám định chữ ký của mình trong Hợp đồng tín dụng số 761/HĐ-CVTSBĐ-TN/TCB-LS ngày 10/12/2008. Tại Kết luận giám định số 224/KLGD-PC09 ngày 07/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận chữ ký mang tên anh Tô Văn T trên Hợp đồng tín dụng số 761/HĐ-CVTSBĐ-TN/TCB-LS ngày 10/12/2008 với chữ ký của anh Tô Văn T trên các tài liệu mẫu 30 sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4 là do cùng một người ký ra. Tại phiên tòa, anh Tô Văn T trình bày, do Ngân hàng TCB đã rút yêu cầu độc lập nên anh rút đề nghị Tòa án triệu tập chị Nguyễn Cẩm Tuyên và không yêu cầu giám định lại chữ ký.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M về việc chia di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị H chết để lại là phần giá trị 1/2 ngôi nhà C9, khu N18, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn có giá trị là 630.784.632 đồng, sau khi trừ các khoản thực hiện nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị H giá trị tài sản còn lại để chia cho hàng thừa kế là: 266.509.952 đồng; cụ thể:

- Anh Tô Văn T được hưởng 02 kỷ phần thừa kế là: 106.603.980 đồng;
- Bà Hoàng Thị M được hưởng 02 kỷ phần là: 106.603.980 đồng;
- Cháu Hoàng Ngọc Th được hưởng 01 kỷ phần là: 53.301.990 đồng.

2. Anh Tô Văn T được quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4, gắn liền với quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ở 70m², thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 46; địa chỉ: Số nhà d, khu e, khối r, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn và có nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Buộc anh Tô Văn T phải có nghĩa vụ T3 toán trả bà Hoàng Thị M số

tiền: 106.603.980 đồng; trả cho Hoàng Ngọc Th số tiền là: 53.301.990 đồng.

4. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/10/2011 giữa anh Tô Văn T và anh Tô H1 T1 vô hiệu. Buộc anh Tô H1 T1 phải có nghĩa vụ giao lại ngôi nhà cấp 4, diện tích 70m², thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 46, bản đồ địa chính thị trấn CL; địa chỉ: số C9, khu N18, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn cho anh Tô Văn T được quyền sở hữu ngôi nhà và quản lý, sử dụng diện tích đất.

5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH: 01236 ngày 25/4/2012 của UBND huyện CL, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho anh Tô H1 T1 thuộc thửa số 116, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: Khối 5, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn.

6. Xác nhận anh Tô Văn T sau khi chị Nguyễn Thị H chết đã trả nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín khoản nợ chung của vợ chồng anh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 09003/HĐTC ngày 14/4/2009 bao gồm nợ gốc và lãi là: 114.470.050 đồng. Trong đó 1/2 tiền được trừ vào phần di sản của chị Nguyễn Thị H để thực hiện nghĩa vụ; 1/2 số tiền là nghĩa vụ của anh Tô Văn T phải trả.

7. Buộc anh Tô Văn T phải trả nợ Ngân hàng TMCP KTVN số tiền vay nợ chung của vợ chồng anh để mua xe ô tô Transinco, bao gồm nợ gốc, lãi tính đến ngày 05/10/2019 là số tiền 553.839.110 đồng. Trong đó có 1/2 số tiền đã được vào phần di sản của chị Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ; 1/2 số tiền là nghĩa vụ của anh Tô Văn T phải trả.

8. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KTVN đối với khoản tiền lãi phạt là 128.551.639 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo.

Sau xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Hoàng Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án; bị đơn anh Tô Văn T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu độc lập đối với khoản tiền phải trả cho TCB; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 107/2020/DS-PT ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định hủy Bản án sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm

2021, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 227; Điều 228; 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 468, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 649, 651, 658, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M về việc chia di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị H là 1/2 giá trị ngôi nhà cấp 4 và 70m² đất tại thửa số 116, tờ bản đồ số 46, bản đồ địa chính thị trấn CL, địa chỉ số C9, khu N18, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn, sau khi trừ các khoản thực hiện nghĩa vụ tài sản của chị Nguyễn Thị H, giá trị tài sản còn lại để chia thừa kế là 543.429.507đ (năm trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn năm trăm linh bảy đồng); cụ thể:

- Anh Tô Văn T được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là: 135.857.377đ (một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng).

- Bà Hoàng Thị M được hưởng 02 kỷ phần là: 271.714.754đ (hai trăm bảy mươi một triệu bảy trăm mười bốn nghìn bảy trăm năm mươi tư đồng);

- Cháu Hoàng Ngọc Th được hưởng 01 kỷ phần là: 135.857.377đ (một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị M về việc đòi quản lý, sử dụng ngôi nhà cấp 4, gắn liền với quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ở 70m², thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 46 tại địa chỉ Số nhà d, khu e, khối r, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn.

3. Anh Tô Văn T được quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4, gắn liền với quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ở 70m², thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 46 tại địa chỉ: Số nhà d, khu e, khối r, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn và có nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Buộc anh Tô Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị M số tiền 271.714.754đ (hai trăm bảy mươi một triệu bảy trăm mười bốn nghìn bảy trăm năm mươi tư đồng); trả cho cháu Hoàng Ngọc Th 135.857.377đ (một trăm ba

mười lăm triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng).

5. Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/10/2011 giữa anh Tô Văn T và anh Tô H1 T1. Buộc anh Tô H1 T1 phải có nghĩa vụ giao lại ngôi nhà cấp 4, diện tích 70m², thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 46, bản đồ địa chính thị trấn CL tại địa chỉ: số C9, khu N18, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn cho anh Tô Văn T được quyền sở hữu ngôi nhà và quản lý, sử dụng diện tích đất ở.

6. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH: 01236 ngày 25/4/2012 của Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho anh Tô H1 T1 đối với thửa số 116, tờ bản đồ số 46 bản đồ địa chính thị trấn CL tại địa chỉ: Số C9, khu N18, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn.

7. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần KTVN(TCB) về việc giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 761/HĐ-CVTSBĐ/TN/TCB-LS ngày 10/12/2008 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần KTVN(TCB) với anh Tô Văn T và chị Nguyễn Thị H. Nếu có yêu cầu, các đương sự có quyền khởi kiện theo thủ tục chung.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/4/2021, nguyên đơn là bà Hoàng Thị M có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, đề nghị được quản lý di sản và định giá lại nhà, đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bà Hoàng Thị M đề nghị được quản lý di sản để có nơi thờ cúng chị Nguyễn Thị H và có nơi để cháu Hoàng Ngọc Th ở; nếu được quản lý di sản thì bà M đồng ý T3 toán cho anh T tiền. Bà M không nhất trí giá trị nhà, đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 24/10/2018.

Bị đơn trình bày: Cháu Hoàng Ngọc Th từ bé đã sống cùng ông nội tại địa chỉ số 2, ngõ 1, đường PV, khu 3, phường VT, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; chưa khi nào cháu Th chung sống cùng anh và chị H. Anh T đề nghị bác kháng cáo của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau: Bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế, hàng thừa kế và thực hiện chia thừa kế theo pháp luật cho các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bà Hoàng Thị M trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị M:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế: Tại Công văn số 13/UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân phường Hoàng VT, thành phố LS xác định chị Nguyễn Thị H chết ngày 23/5/2010; do đó, ngày 23/5/2010 là thời điểm mở thừa kế theo quy định tại khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự. Do chị Nguyễn Thị H chết không để lại di chúc nên theo quy định của pháp luật, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị Nguyễn Thị H gồm: Anh Tô Văn T là cH1 chị Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D, bà Hoàng Thị M là bố mẹ của chị H và cháu Hoàng Ngọc Th là con của chị H. Ông Nguyễn Văn D đã chết năm 2015, người thừa kế của ông Nguyễn Văn D là bà Hoàng Thị M và chị Nguyễn Thị H1 là con gái của ông D, bà M. Quá trình giải quyết vụ án, chị H1 không yêu cầu được nhận phần di sản của ông D được hưởng mà để lại cho bà M nên toàn bộ phần di sản của ông D được hưởng sẽ giao cho bà M.

[2.2] Xác định di sản thừa kế và chia thừa kế:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đương sự đều thống nhất di sản của chị H để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà cấp 4 và diện tích đất 70m², thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 46, bản đồ địa chính thị trấn CL tọa tại số C9, khu N18, khối 5, thị trấn CL, huyện CL.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 24/10/2018 và Công văn số 572/CV-TCKH ngày 02/8/2019 Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện CL thì ngôi nhà cấp 4 và diện tích đất 70m², thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 46, bản đồ địa chính thị trấn CL tọa tại số C9, khu N18, khối 5, thị trấn CL, huyện CL có tổng giá trị là 1.261.569.064 đồng. Do đó, di sản để lại của chị H có giá trị là 630.784.532 đồng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm lần 1, phúc thẩm lần 1 và sơ thẩm lần 2 các đương sự đều thống nhất không đề nghị định giá lại và nhất trí theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 24/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản. Nay, bà M kháng cáo đề nghị định giá lại tài sản là không có cơ sở chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T nhất trí chia di sản của chị H để lại nhưng đề nghị Tòa án xem xét trừ đi các khoản nợ còn lại của chị H và anh T trước khi chị H chết rồi mới thực hiện chia di sản của chị H. Ngoài ra, anh T

đề nghị được T3 toán chi phí mai táng cho chị H. Xét thấy, những yêu cầu này của anh T là phù hợp quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định:

- Theo Công văn số 102/2019/CNLS ngày 08/8/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, chi nhánh Lạng Sơn thì khi chị Nguyễn Thị H chết, anh Tô Văn T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 09003/HĐTC ngày 14/4/2009 số tiền là 114.470.050 đồng. Xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên chị H, anh T mỗi người phải chịu 1/2 số nợ. Do đó, 1/2 số tiền nợ là 57.235.025 đồng được trừ vào phần di sản của chị H để lại.

- Theo hướng dẫn tại tiểu mục 2.2 mục 2 phần II của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 07/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và xem xét bảng kê anh T giao nộp chi phí mai táng cho chị H, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận các khoản tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm niệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và các khoản chi hợp lý khác phục vụ cho việc chôn cất theo thông lệ chung là có căn cứ. Tổng cộng các khoản được chấp nhận sau khi đã trừ các khoản chi phí không phù hợp là 30.120.000 đồng.

- Đối với khoản nợ Ngân hàng TCB: Trong quá trình giải quyết sơ thẩm lần hai, ngày 02/12/2020 Ngân hàng TCB có đơn xin rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 761/HĐ-CVTSBĐ/TN/TCB-LS ngày 10/12/2008 giữa Ngân hàng với anh T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nữa. Trước đó, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T có ý kiến không đồng ý về thủ tục đấu giá chiếc xe ô tô nhãn hiệu Transinco, biển kiểm soát 12H - 9811 và cho rằng chữ ký trong Hợp đồng tín dụng số 761/HĐCVTSBĐ/TN/TCB-LS ngày 10/12/2008 không phải của mình. Tuy nhiên do Ngân hàng TCB đã rút yêu cầu độc lập nên anh T không có khiếu nại về thủ tục đấu giá tài sản và không yêu cầu giám định chữ ký của mình nữa. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TCB và tách phần nghĩa vụ tài sản theo Hợp đồng tín dụng số 761/HĐCVTSBĐ/TN/TCB-LS bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và giải quyết đồng thời với yêu cầu giải quyết khiếu nại đối với thủ tục đấu giá tài sản là phù hợp và có cơ sở.

Tại cấp sơ thẩm, anh T còn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về chi phí bảo quản di sản, Hội đồng xét xử thấy: Chị H chết năm 2010; năm 2011, anh T lập hợp đồng tặng cho nhà đất cho anh Tô H1 T1, nhưng trên thực tế anh T vẫn đang sinh sống tại nhà đất này và được hưởng lợi từ việc quản lý tài sản chung

vợ cH1. Do đó, anh T yêu cầu được hưởng chi phí bảo quản di sản là không phù hợp với quy định tại Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo quy định tại Điều 658 Bộ luật dân sự thì việc chia tài sản thừa kế được thực hiện sau khi trừ đi các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế theo thứ tự ưu tiên T3 toán.

Như vậy, di sản của chị H để lại là 630.784.532 đồng, sau khi trừ đi chi phí mai táng 30.120.000 đồng, khoản nợ đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trả lại cho anh T do đã thực hiện trả nợ thay) là 57.235.025 đồng, còn lại là 543.429.507 đồng.

Về phân chia di sản: Do chị Nguyễn Thị H chết không để lại di chúc nên di sản được chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của chị H gồm anh Tô Văn T, bà Hoàng Thị M, ông Nguyễn Văn D và cháu Hoàng Ngọc Th. Do đó, di sản được chia làm 04 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị 135.857.377 đồng. Tuy nhiên, ông D đã chết, chị Nguyễn Thị H1 là con ông D yêu cầu để lại phần thừa kế của mình đối với di sản của ông D cho bà M. Do đó, bà M được hưởng 02 kỷ phần có giá trị 271.714.754 đồng; anh T và cháu Th mỗi người được hưởng 01 kỷ phần có giá trị 135.857.377 đồng.

Về việc chia di sản bằng hiện vật: Sau khi chị H chết, anh T là người quản lý, sử dụng nhà và đất tại số C9, khu N18, thị trấn CL đến nay; đồng thời đây là tài sản chung do vợ cH1 anh T và chị H tạo dựng. Mặt khác, diện tích nhà, đất không thể chia bằng hiện vật, anh T cũng không nhất trí nhận giá trị di sản bằng tiền. Do đó, có căn cứ giao anh T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng nhà và đất nói trên. Anh T phải có nghĩa vụ trả cho bà M 271.714.754 đồng; trả cho cháu Th 135.857.377 đồng. Yêu cầu được quản lý, sử dụng nhà và đất tại số C9, khu N18, thị trấn CL của bà M là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/10/2011 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH: 01236 ngày 25/4/2012 thấy rằng: Nguồn gốc thửa đất số C9, khu N18, khối 5, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn, diện tích đất 70m² thuộc thửa đất 116, tờ bản đồ 46, bản đồ địa chính thị trấn CL, huyện CL là của vợ cH1 anh T và chị H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, nên đây là tài sản chung của vợ cH1. Khi chị H chết không để lại di chúc, nên xác định 1/2 giá trị tài sản là nhà và đất trong khối tài sản chung của vợ cH1 là của chị H và được xác định là di sản thừa kế; 1/2 giá trị tài sản còn lại xác định là tài sản của anh T theo quy định tại Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi chị H chết, anh T đã tự ý tặng cho anh T1 toàn bộ nhà, đất nêu trên; UBND thị trấn CL đã không xem xét kỹ, chứng thực vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày

26/10/2011 giữa anh T và anh T1 dẫn tới UBND huyện CL đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T1 là không đúng quy định của pháp luật. Tại cấp sơ thẩm, UBND huyện CL nhất trí với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh T1 là phù hợp. Vì vậy, yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/10/2011 giữa anh T với anh T1 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh T1 của bà M là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M không xuất trình thêm tình tiết hoặc tài liệu, chứng cứ mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập để xác định đúng di sản thừa kế, hàng thừa kế và quyết định chia thừa kế đúng pháp luật. Đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị M và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bà Hoàng Thị M là người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định bà Hoàng Thị M được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Hoàng Thị M và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Hoàng Thị M được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân Hương Hồ Sỹ Hưng Lê Thị Thúy Bình